

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD7 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067201511 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031456	36CXD7	Nguy n T n Anh	10/10/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
2	3671031305	36CXD7	Nguy n V ã B o	19/05/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
3	3671031458	36CXD7	Nguy n V ã Bĩnh	04/01/1994				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
4	3671031512	36CXD7	Nguy n Quang Cĩng	16/09/1989				5.0			5.0	1.5	0.5	0.4	1.9	
5	3671031584	36CXD7	ñ Thanh C	31/05/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
6	3671031454	36CXD7	Tr n Quang Chung	30/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671031591	36CXD7	Nguy n B ỹnh Danh	16/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671031489	36CXD7	ñ i p V ã Duy	05/10/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
9	3671031295	36CXD7	Bá Quang ã ỹng	04/03/1993				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
10	3671031523	36CXD7	L ² V ã ã	20/11/1994				7.0			7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
11	3671031301	36CXD7	Ho ỹng V ã ã c	21/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
12	3671031549	36CXD7	Nguy n ã ã H i	12/03/1993				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
13	3671031514	36CXD7	Nguy n V ã H i	02/06/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
14	3671031488	36CXD7	L ² V ã H u	06/04/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
15	3671031550	36CXD7	Nguy n C ỹng Hi u	12/09/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	CT
16	3671031552	36CXD7	Tr n Minh Hi u	13/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671031575	36CXD7	Hu ỹnh Quang Hi p	02/10/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
18	3671031287	36CXD7	Nguy n Nh t Huy	09/11/1994				2.0			2.0	0.6	8.0	5.6	6.2	
19	3671031476	36CXD7	ñ T n Khang	11/02/1994				10.0			10.0	3.0	2.0	1.4	4.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD7 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201511 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031505	36CXD7	V ấ B ấ c	Khoa	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
21	3671031279	36CXD7	Tr n Ng c Duy	Kh ng	09/12/1993				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
22	3671031567	36CXD7	Nguy n Th	L c	26/06/1994				5.0			5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
23	3671031544	36CXD7	Nguy n V ng	L c	03/06/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
24	3671031563	36CXD7	Nguy n Th ấ nh	Lu ấ n	06/01/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
25	3671031557	36CXD7	Phan T n	M nh	14/04/1994				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
26	3671031553	36CXD7	V ồ H ầ ng	M nh	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
27	3671031510	36CXD7	L 2 V ấ nh	Mu ng	22/05/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	N HP
28	3671031478	36CXD7	Ph m V ấ nh	Ngh ấ	22/06/1992				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
29	3671031559	36CXD7	Tr ng Th Kim	Nguy t	09/04/1994				7.0			7.0	2.1	10.0	7.0	9.1	
30	3671031290	36CXD7	Tr n Anh	Nh t	04/11/1993				2.0			2.0	0.6	1.5	1.1	1.7	
31	3671031543	36CXD7	Nguy n T ấ	Ph ấ t	07/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
32	3671031513	36CXD7	Nguy n Th ấ nh	Phong	04/10/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	CT
33	3671031273	36CXD7	Phan Thanh	Phú c	01/09/1994				10.0			10.0	3.0	2.0	1.4	4.4	
34	3671031497	36CXD7	T Anh	Ph ng	22/05/1994				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
35	3671031471	36CXD7	B ấ i V ấ nh	Quang	06/10/1993				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
36	3671031464	36CXD7	L 2 Nh c Vi	Qu ấ n	11/04/1993				2.0			2.0	0.6	0.5	0.4	1.0	
37	3671031278	36CXD7	Lê Ph ấ t	Sang	13/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
38	3671031291	36CXD7	Nguy n Thanh	Sang	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD7 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201511 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031468	36CXD7	Nguy n ấ nh S n	18/12/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	N HPCT
40	3671031495	36CXD7	Nguy n Vi t S n	26/06/1993				6.0			6.0	1.8	0.5	0.4	2.2	
41	3671031492	36CXD7	Tr n B ấ nh Tâm	02/09/1993				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
42	3671031469	36CXD7	L ² Nh t Tân	13/07/1994				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
43	3671031538	36CXD7	L ² ấ c T n	05/10/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
44	3671031590	36CXD7	Tr n Vi t Tỉ n	15/09/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	CT
45	3671031280	36CXD7	ấ V ấ Nh To ấ n	05/12/1994				9.0			9.0	2.7	1.0	0.7	3.4	
46	3671031484	36CXD7	Nguy n H u Tu n	27/09/1994				7.0			7.0	2.1	0.5	0.4	2.5	
47	3671031504	36CXD7	Ph m ấ nh Tu n	19/04/1994				8.0			8.0	2.4	0.5	0.4	2.8	
48	3671031282	36CXD7	Nguy n V ấ Nh T ấ ng	29/11/1993				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
49	3671031526	36CXD7	Nguy n B ấ nh Tri u	13/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
50	3671031466	36CXD7	Nguy n ấ c Tr ng	17/10/1993				1.0			1.0	0.3	0.5	0.4	0.7	
51	3671031498	36CXD7	L ² H i V ấ n	21/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3671031300	36CXD7	Nguy n Tr ng V n	10/09/1994				2.0			2.0	0.6	1.0	0.7	1.3	
53	3671031467	36CXD7	Nguy n Thanh Vi m	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
54	3671031499	36CXD7	L ² H ng V ấ O	26/01/1994				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	

T ng s : 54 h c sinh sinh vi² n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o Vi² n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa